

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-PT

Ngày: 07/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hằng

Bà Lê Thị Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân Quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3727/2021/QĐ-PT ngày 18/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 8967/2021/QĐ-PT ngày 18/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11661/2021/QĐ-PT ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ: đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trường E, sinh năm 1994; Địa chỉ: 40 Đường G, phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền số 924/2020/UQ-TTT ngày 18/6/2020) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1971; Địa chỉ: 279/6 đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020, các bản tự khai của đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 17/10/2007, Ngân hàng TMCP A có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng) với ông Nguyễn Minh K. Căn cứ vào thu nhập của ông Nguyễn Minh K, ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1,975%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 50.700.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông K đã thanh toán cho ngân hàng với số tiền là 55.400.000 đồng.

Do ông Nguyễn Minh K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 01/3/2011 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Đến thời điểm khởi kiện, Ngân hàng TMCP A yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/3/2020 là: 33.025.941 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 7.731.186 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 25/3/2020 là 33.025.941 đồng, ông Nguyễn Minh K phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh K không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 01/3/2021 là: 35.629.476 đồng (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc chốt đến ngày 28/2/2011 là 7.731.186 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/3/2021 là 27.898.290 đồng, ông Nguyễn Minh K phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn không yêu cầu tính phí phát sinh.

Việc nguyên đơn chốt nợ gốc đến ngày 28/2/2011 với số tiền là 7.186.373 đồng là căn cứ vào Điều 19 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

Buộc ông Nguyễn Minh K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền là 30.106.652 đồng, trong đó nợ gốc là 6.368.431 đồng, lãi quá hạn tính đến 01/3/2021 là 23.738.221 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trong việc yêu cầu ông Nguyễn Minh K thanh toán tiền nợ gốc là 1.362.755 đồng và tiền lãi quá hạn là 4.160.069 đồng.

Ông Nguyễn Minh K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 02/3/2021 trở đi trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/3/2021, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ gốc và lãi quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của kháng cáo nguyên đơn.

Việc nguyên đơn kết nợ gốc vào thời điểm 28/2/2011 với số tiền là 7.186.373 đồng, bởi lẽ theo quy chế được ban hành năm 2010 thì ngân hàng có thể kết tiền nợ bất kỳ thời điểm nào sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn trình bày: Vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: Xác định lại thời điểm chuyển nợ quá hạn được tính 90 ngày kể từ ngày lập bản thông báo giao dịch 31/8/2010, cụ thể tiền nợ gốc được tính là 6.969.000 đồng; lãi trong hạn từ 01/12/2010 đến 28/02/2011: $6.969.034 \times 1,975\%/30 \times 89 \text{ ngày} = 408.327 \text{ đồng}$; lãi suất quá hạn được tính từ 01/3/2011 đến ngày 01/3/2021 theo mức 2,9625%/tháng, cụ thể: $6.969.034 \times 3.654 \text{ ngày} \times 2,9625\%/30 \text{ ngày} = 25.146.540 \text{ đồng}$. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Về tiền nợ gốc:

Căn cứ Điều 7 hợp đồng tín dụng thẻ đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 17/10/2007 quy định: "... Sau 90 ngày kể từ ngày lập bảng thông báo giao dịch hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu thì toàn bộ số dư nợ của chủ thẻ là nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng". Do đó, tại thời điểm ngày 31/8/2010 bị đơn có thanh toán số tiền 1.000.000 đồng và thời điểm lập bản thanh toán hai bên thoả thuận tại Điều 4 của hợp đồng trên là ngày cuối tháng. Nên thời điểm chuyển nợ quá hạn được tính 90 ngày kể từ ngày lập bản thông báo giao dịch 31/8/2010, cụ thể là 01/12/2010, do vậy trong thời điểm sau ngày 31/8/2010 nguyên đơn vẫn được quyền tính lãi phí tiếp tục cho đến ngày 30/11/2010, cụ thể tiền nợ gốc là 6.969.000 đồng, không phải là 6.368.431 đồng như cấp sơ thẩm đã nhận định.

Về tiền lãi:

Xét nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày 01/3/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/3/2021 theo mức lãi suất quá hạn là 2,9625%/tháng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/10/2007; Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 20/10/2007; Thông báo số 1330/TB-TTT ngày 15/12/2010 áp dụng mức lãi suất cho thẻ tín dụng là 1,975%, mức lãi suất nợ quá hạn là 2,9625%/tháng. Xét việc thoả thuận lãi suất này phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nhà nước đối với khách hàng.

Như vậy, tiền gốc để làm căn cứ tính lãi được xác định đến hết ngày 30/11/2010. Nguyên đơn, ngân hàng xác định ngày 01/3/2011 mới chấm dứt hợp đồng và chuyển nợ quá hạn là có lợi cho bị đơn, nên thời gian từ 01/12/2010 đến 28/02/2011 được tính lãi trong hạn, cụ thể: $6.969.034 \times 1,975\%/30 \times 89 \text{ ngày} = 408.327 \text{ đồng}$.

Tiền lãi từ 01/3/2011 đến ngày 01/3/2021 được tính theo mức lãi suất quá hạn 2,9625%/tháng, cụ thể: $6.969.034 \times 3.654 \text{ ngày} \times 2,9625\%/30 \text{ ngày} = 25.146.540 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn: $408.327 + 25.146.540 = 25.554.867 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: tiền gốc $6.969.034\text{đ} + \text{tiền lãi } 25.554.867\text{đ} = 32.523.901 \text{ đồng}$.

Như vậy, phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A buộc ông Nguyễn Minh K không được chấp nhận là: tiền nợ gốc 762.152 đồng và một phần tiền lãi 2.343.423 đồng. Tổng cộng 3.105.575 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị sửa một phần án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án.

Từ những nhận định trên, xét cấp sơ thẩm đã điều tra đầy đủ, áp dụng đúng trình tự thủ tục tố tụng nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc ông Nguyễn Minh K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền là 32.523.901đ (Ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn chín trăm lẻ một đồng), trong đó nợ gốc là 6.969.034đ (Sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn không trăm ba mươi bốn đồng), lãi đến 01/3/2021 là 25.554.867đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

Ông Nguyễn Minh K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 02/3/2021 trở đi trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết là 2,9625%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.626.195đ (Một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi cân trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.648đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo biên lai số AA/2019/00015694 ngày 07/7/2020 của

Chi cục thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại số tiền là 525.648đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0052780 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận N ;
- Tòa án nhân dân Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà